

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp thiết bị y tế tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Đức Giang có nhu cầu tiếp nhận Báo giá của các thiết bị để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho mua sắm các thiết bị nguồn ngân sách năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu

1. Đơn vị yêu cầu: Bệnh viện Đa khoa Đức Giang số 54 phố Trường Lâm, phường Việt Hưng, TP Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ số điện thoại 024 38711751 để được hỗ trợ.

3. Tài liệu được tiếp nhận theo hình thức sau:

Nhận tại địa chỉ: Văn thư Bệnh viện Đa khoa Đức Giang số 54 phố Trường Lâm, phường Việt Hưng, TP Hà Nội.

Và qua Email: bvdkdg@hanoi.gov.vn; vtbbytducgiang@gmail.com; (gồm bản scan đóng dấu và bản mềm)

Thời gian tiếp nhận : Từ 8h ngày 02 tháng 07 năm 2026 đến trước 17h00 ngày 12 tháng 07 năm 2026.

Báo giá có hiệu lực tối thiểu: ≥ 90 ngày kể từ ngày hết hạn chào giá, ngày 02 tháng 07 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu cung cấp Báo giá

1. Danh mục thiết bị (Phụ lục đính kèm)

2. Yêu cầu khác

2.1 Báo giá

- Ghi rõ tên người liên hệ và số điện thoại.

- Gửi kèm báo giá bản excel file mềm với Nội dung: sheet 1 Tổng hợp các thiết bị báo giá (theo mẫu Báo giá), sheet 2 lập bảng đáp ứng kỹ thuật các thiết bị chào giá (theo mẫu bảng đáp ứng kỹ thuật).

- Đặt tên File theo cấu trúc: BG Tên Công ty cung cấp

2.2 Các tài liệu tham chiếu



- Đề nghị *Highlight* các thông tin tham chiếu tương ứng trong bảng đáp ứng kỹ thuật
- Tài liệu tham chiếu file mềm gửi qua email vtbtyducgiang@gmail.com


lưu thành các file cho từng thiết bị cung cấp đặt tên file theo cấu trúc: *Tên máy - Hãng Sản xuất.*

Rất mong nhận được sự quan tâm của Quý đơn vị.

Trân trọng cảm ơn!.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, VTTB. 

GIÁM ĐỐC 

Đỗ Đình Tùng

PHỤ LỤC 01
MẪU BÁO GIÁ VÀ BẢNG ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT
 (Kèm theo Thư mời chào giá số 1608 /BVĐKĐG-VTTB ngày 01 tháng 07 năm 2026)

1. Mẫu báo giá

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Model/Hãng SX/Nước SX	Cấu hình cung cấp	Phân loại	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1					Theo bảng đáp ứng kỹ thuật kèm theo			
2	...							

- Giá thiết bị đã bao gồm giá bán và tất cả các chi phí liên quan đến việc cung ứng, lắp đặt như vận chuyển đến tận đơn vị sử dụng, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, vận hành chạy thử, bảo hành 12 tháng, thuế và các chi phí khác.

Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá và các tài liệu kỹ thuật kèm theo là trung thực

Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
 (Ký tên, đóng dấu)

3. Mẫu bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hàng hóa:

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đáp ứng kỹ thuật (Thông số kỹ thuật của hàng hóa cung cấp)	Nội dung tương ứng tại tài liệu gốc của sản phẩm trang số...(Catalogue/HDSD...)	Đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Theo yêu cầu BG		- Tên hàng hoá theo Số lưu hành TTBYT - Model: ... - Nhà sản xuất: ...		Đáp ứng/ Không đáp ứng - Tương đương/ Tốt

			- Xuất xứ: ... - Chủ sở hữu (nếu có): ...		hơn
2					

Ghi chú:

+ Nhà cung cấp mô tả thông số kỹ thuật của hàng hóa chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào thầu thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn dưới đây hoặc có cấu hình tương đương. Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào nếu có trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. ***Nhà cung cấp có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “tương đương” hoặc tốt hơn*** so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu.

Nội hàm tương đương được quy định trong yêu cầu kỹ thuật được hiểu là:

- Được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tương đương tiêu chuẩn
- Tương đương về chất lượng hình ảnh, độ chính xác màu sắc và góc nhìn.
- Tương đương về tính chất cơ khí và thuộc tính vật lý của vật liệu.
- Tương đương về tính năng cơ bản, độ tin cậy, phạm vi ứng dụng
- Tương đương về công suất; hiệu suất, yêu cầu thông số đầu vào; danh mục, độ chính xác kết quả đầu ra.
- Tương đương về giá trị đo; độ chính xác kết quả đo;
- Tương đương về hàm lượng, nồng độ, tính chất
- Các yếu tố tương đương khác (nếu có)

CÁU HÌNH KỸ THUẬT YÊU CẦU

(Kèm theo Thư mời chào giá số 1608 /BVĐKĐG-VTTB ngày 01 tháng 07 năm 2026)

STT	Tên thiết bị	ĐVT	SL	Yêu cầu kỹ thuật
1	Hệ thống nội soi dạ dày đại tràng	Hệ thống	01	A.Yêu cầu chung Hệ thống nội soi dạ dày đại tràng Xuất xứ (Bộ xử lý hình ảnh, nguồn sáng, Ống soi, Nguồn cắt đốt): G7 Năm sản xuất: 2026 trở về sau Thiết bị mới 100% Nhà sản xuất đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE / EU (MDR) hoặc tương đương Môi trường hoạt động của thiết bị: + Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$ - Nguồn điện sử dụng 220V/50Hz B.Yêu cầu cấu hình: Máy chính bao gồm: 1. Bộ xử lý hình ảnh và nguồn sáng tích hợp hoặc tách rời: 01 bộ. 2. Ống nội soi dạ dày video: 01 bộ. 3. Ống nội soi dạ dày video có chức năng phóng đại quang học: 01 bộ. 4. Ống nội soi đại tràng video: 01 bộ 5. Ống nội soi đại tràng video có chức năng phóng đại quang học: 01 bộ. Các phụ kiện khác - Dụng cụ kiểm tra rò rỉ: 01 bộ. - Nguồn cắt đốt: 01 bộ - Màn hình: 01 cái. - Máy hút dịch: 01 cái. - Xe đẩy chuyên dụng: 01 cái - Bộ máy tính, máy in màu: 01 bộ. C. Chỉ tiêu kỹ thuật 1. Bộ xử lý hình ảnh và nguồn sáng tích hợp hoặc tách rời: 01 bộ.

STT	Tên thiết bị	ĐVT	SL	Yêu cầu kỹ thuật
				Bộ xử lý hình ảnh tích hợp hoặc tách rời nguồn sáng ≥ 4 LED
				Độ phân giải tín hiệu đầu ra của bộ xử lý tối đa $\geq 3840 \times 2160$ pixels
				Có chức năng quan sát hình ảnh sử dụng ánh sáng bước sóng ngắn hoặc dải bước sóng hẹp giúp tăng cường hiển thị cấu trúc bề mặt
				Có tính năng cân bằng trắng tự động không cần bấm nút điều chỉnh
				Kết nối dây soi với nguồn sáng trong 1 bước
				Tín hiệu đầu ra tối thiểu có 12G-SDI, 3G-SDI, hoặc tương đương
				Có thể lưu ≥ 20 cài đặt người sử dụng hoặc thủ thuật
				Dữ liệu bệnh nhân: ≥ 45 bệnh nhân
				Điều chỉnh tông màu:
				+ Đỏ: ≥ 8 bước
				+ Xanh: ≥ 8 bước
				Có khả năng điều chỉnh độ tương phản: ≥ 02 mức
				Có chế độ tăng cường cấu trúc hình ảnh
				Có chức năng chia màn hình hiển thị
				Có chức năng DICOM tích hợp hoặc module/phần mềm DICOM chính hãng để kết nối với hệ thống quản lý Bệnh viện
				2. Ống nội soi dạ dày: 01 bộ.
				- Trường nhìn: $\geq 140^\circ$
				- Hướng quan sát: nhìn thẳng.
				- Độ sâu của trường nhìn hoặc phạm vi quan sát: từ $\leq 2 - \geq 100$ mm.
				- Đường kính ngoài của đầu ống soi: ≤ 9.2 mm
				- Đường kính ngoài của thân ống soi ≤ 9.3 mm
				- Kênh dụng cụ:
				+ Đường kính trong kênh dụng cụ: ≥ 2.8 mm.
				- Phần uốn cong:
				+ Lên: $\geq 200^\circ$.
				+ Xuống: $\geq 90^\circ$.
				+ Phải: $\geq 90^\circ$.
				+ Trái: $\geq 90^\circ$.

STT	Tên thiết bị	ĐVT	SL	Yêu cầu kỹ thuật
				- Độ dài làm việc: $\geq 1000\text{mm}$.
				- Độ dài tổng: $\geq 1300\text{mm}$.
				3. Ống nội soi dạ dày video có chức năng phóng đại quang học: 01 bộ.
				Có tính năng phóng đại quang học tối đa ≥ 125 lần
				- Trường nhìn ở chế độ thường: $\geq 140^\circ$
				- Hướng quan sát: nhìn thẳng.
				- Độ sâu hoặc phạm vi quan sát của trường nhìn thường: từ $\leq 7 - \geq 100\text{mm}$.
				- Đường kính ngoài của đầu ống soi: $\leq 10.0\text{ mm}$.
				- Đường kính ngoài của thân ống soi $\leq 10.0\text{ mm}$.
				- Kênh dụng cụ:
				+ Đường kính trong kênh dụng cụ: $\geq 2.8\text{mm}$.
				- Phần uốn cong:
				+ Lên: $\geq 200^\circ$.
				+ Xuống: $\geq 90^\circ$.
				+ Phải: $\geq 90^\circ$.
				+ Trái: $\geq 90^\circ$.
				- Độ dài làm việc: $\geq 1000\text{mm}$.
				- Độ dài tổng: $\geq 1300\text{mm}$.
				4. Ống nội soi đại tràng video: 01 bộ
				- Trường nhìn: $\geq 170^\circ$
				- Hướng quan sát: nhìn thẳng.
				- Độ sâu của trường nhìn hoặc phạm vi quan sát: từ $\leq 2 - \geq 100\text{mm}$.
				- Đường kính ngoài của đầu ống soi: $\leq 13.2\text{ mm}$.
				- Đường kính ngoài của thân ống soi $\leq 12.8\text{ mm}$.
				- Kênh dụng cụ:
				+ Đường kính kênh dụng cụ: $\geq 3.7\text{ mm}$.
				- Phần uốn cong:
				+ Lên: $\geq 180^\circ$.
				+ Xuống: $\geq 180^\circ$.
				+ Phải: $\geq 160^\circ$.
				+ Trái: $\geq 160^\circ$.
				- Độ dài làm việc: $\geq 1300\text{mm}$.

STT	Tên thiết bị	ĐVT	SL	Yêu cầu kỹ thuật
				5. Ống nội soi đại tràng video có chức năng phóng đại quang học: 01 bộ.
				Có tính năng phóng đại quang học tối đa ≥ 135 lần
				- Trường nhìn ở chế độ thường: $\geq 140^\circ$
				- Hướng quan sát: nhìn thẳng.
				- Độ sâu hoặc phạm vi quan sát của trường nhìn thường: từ $\leq 7 - \geq 100$ mm.
				- Đường kính ngoài của đầu ống soi: ≤ 13.5 mm.
				- Đường kính ngoài của thân ống soi ≤ 13.0 mm.
				- Kênh dụng cụ:
				+ Đường kính trong kênh dụng cụ: ≥ 3.7 mm.
				- Phần uốn cong:
				+ Lên: $\geq 180^\circ$.
				+ Xuống: $\geq 180^\circ$.
				+ Phải: $\geq 160^\circ$.
				+ Trái: $\geq 160^\circ$.
				- Độ dài làm việc: ≥ 1300 mm.
				- Độ dài tổng: ≥ 1600 mm
				5. Màn hình.
				- Màn hình loại: ≥ 31 inch.
				- Độ phân giải: $\geq 3840 \times 2160$ pixels.
				- Tỷ lệ chia màn hình tối thiểu: tỷ lệ 16:9 hoặc 4:3 hoặc tương đương.
				- Tín hiệu đầu vào tương thích với bộ xử lý hình ảnh
				- Màu: $\geq 16,000,000$ màu.
				6. Nguồn cắt đốt
				Tần số hoạt động: ≥ 350 kHz
				Chế độ đơn cực:
				+ Chế độ cắt: Công suất cắt tối đa: ≥ 40 W
				+ Chế độ cầm máu: Công suất tối đa ≥ 150 W
				Chế độ lưỡng cực:
				+ Chế độ cầm máu: Công suất tối đa ≥ 80 W
				7. Máy hút dịch.
				- Lưu lượng hút: ≥ 40 lít/phút.

STT	Tên thiết bị	ĐVT	SL	Yêu cầu kỹ thuật
		Trưởng khoa		- Số lượng bình: ≥ 02 bình.
				- Áp lực hút tối đa: ≥ 600 mmHg hoặc 80kPa
				- Loại bơm không dầu hoặc tương đương.
				8. Dụng cụ kiểm tra rò rỉ
				Tương thích với các ống nội soi trên, dùng để kiểm tra rò rỉ ống soi
				9. Xe đẩy chuyên dụng:
				+ Có tay treo ống soi.
				+ Có giá treo màn hình
				+ Có 4 bánh, có khóa hãm
				10. Bộ máy tính, máy in màu:
				+ Chip máy tính: \geq core i5.
				+ Ổ cứng máy tính: ≥ 500 GB.
				+ RAM máy tính: ≥ 4 GB.
				+ Máy tính có ổ ghi DVD hoặc tương đương.
				+ Màn hình máy tính: ≥ 21 inch.
				+ Máy in màu: loại in phun, cỡ giấy $\geq A4$.
				D. Yêu cầu khác
				- Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ khi nghiệm thu thiết bị đưa vào sử dụng;
				- Có cam kết thực hiện bảo trì định kỳ trong thời gian bảo hành: Bảo trì theo quy định của nhà sản xuất;
				- Có ủy quyền của nhà sản xuất
				- Thời gian cung cấp: ≤ 150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
				- Có cam kết chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật tại nơi sử dụng
				- Có cam kết bảo trì sau bảo hành và cung cấp các phụ tùng thay thế trong thời gian ít nhất là 8 năm kể từ ngày bàn giao.
				- Có bản chào giá bảo trì và các phụ tùng thay thế theo giá Việt Nam đồng